

Số: /2020/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
**Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất
nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của
Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;*

*Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp
hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 155/BC-HĐND ngày
03 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh đối với một số sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong các lĩnh vực: Trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Nội dung chính sách

1. Hỗ trợ chuyển đổi sản xuất hữu cơ

a) Hỗ trợ một lần 70% chi phí cải tạo khu vực sản xuất hữu cơ (*cải tạo đất, quản lý nguồn nước, bờ bao vùng cách ly*) trong thời gian chuyển đổi: Thời gian hỗ trợ tối đa 18 tháng, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí mua chế phẩm sinh học ủ phân hữu cơ trong sản xuất trồng trọt, ủ thức ăn, xử lý môi trường trong chăn nuôi, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/dự án.

2. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

a) Hỗ trợ một lần chi phí chuyển giao, ứng dụng công nghệ và quy trình kỹ thuật được phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án.

3. Hỗ trợ 80% lãi suất vốn vay đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, chuồng trại, kho bãi, máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân. Tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 5,0 tỷ đồng/dự án. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn, tối đa không quá 36 tháng.

4. Hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích, chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn:

a) Hỗ trợ một lần 100% chi phí xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ, mua bao bì, in tem, nhãn sản phẩm hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí thuê điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm hữu cơ trong và ngoài tỉnh (*Trung tâm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu đô thị, du lịch*), thời gian hỗ trợ tối đa không quá 24 tháng, mức

hỗ trợ tối đa 72 triệu đồng/dự án.

Điều 3. Danh mục, quy mô, điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ

1. Danh mục, quy mô sản phẩm hỗ trợ

- a) Cây lương thực (lúa, ngô) có quy mô trồng trọt tối thiểu 5,0 ha/dự án.
- b) Cây ăn quả có múi (cam, bưởi, chanh) có quy mô trồng trọt tối thiểu 3,0 ha/dự án.
- c) Cây chè, lạc có quy mô trồng trọt tối thiểu 2,0 ha/dự án.
- d) Cây rau (ăn lá, củ, quả), cây dược liệu có quy mô trồng trọt tối thiểu 1,0 ha/dự án.
- đ) Con trâu, con bò có quy mô chăn nuôi thường xuyên tối thiểu 50 con/dự án.
- e) Con lợn, con dê có quy mô chăn nuôi thường xuyên tối thiểu 200 con/dự án.
- g) Gia cầm có quy mô chăn nuôi thường xuyên tối thiểu 2.000 con/dự án.

2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ

a) Các nội dung hỗ trợ của chính sách phải có trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện của nội dung hỗ trợ nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ của nội dung đó theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 thì sản phẩm phải được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ do tổ chức có đủ điều kiện cấp.

c) Nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3, Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện hỗ trợ định kỳ 6 tháng/lần.

d) Trong cùng một thời điểm có nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ các chương trình, dự án khác nhau thì tổ chức, cá nhân chỉ được lựa chọn áp dụng 01 chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 4. Hồ sơ và trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Trình tự, thủ tục đề xuất, thẩm định, phê duyệt danh mục dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư, cam kết hỗ trợ dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí.

2. Hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ sau đầu tư

- a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ (*trực tiếp*

hoặc qua dịch vụ bưu chính) về Sở Tài chính. Hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ theo mẫu ban hành theo Nghị quyết này; (2) Bản sao chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ do tổ chức có đủ điều kiện cấp (mang theo bản chính để đối chiếu); (3) Chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật: Bản chính hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng, bản sao hóa đơn giá trị gia tăng (cung cấp bản chính để đối chiếu) và các chứng từ khác theo quy định.

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Căn cứ quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất hữu cơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách theo quy định.

3. Hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ lãi suất vốn vay

a) Trước ngày 25/6 và ngày 25/12 hàng năm các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay (*trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính*) về Sở Tài chính để tổng hợp, thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay theo mẫu ban hành theo Nghị quyết này; (2) Chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật. (3) Hợp đồng hoặc khế ước vay vốn giữa tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách (*trường hợp phát sinh lần đầu*)

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổ chức tín dụng và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay cho chủ dự án. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho chủ dự án biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Căn cứ quyết định phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

(có phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách tỉnh.

2. Các nguồn vốn huy động hợp pháp từ các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác đang được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT (T.Anh).

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Minh Xuân

Phụ lục số 01

Kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày .../.../2020 của HĐND tỉnh Tuyên Quang về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ

Cấp kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ sau đầu tư thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Kính gửi: Sở Tài chính

I. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân thực hiện dự án

1. Người đại diện theo pháp luật:
2. Chức vụ:
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (nếu có):..... ngày cấp
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: Fax: Email:

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ

- Căn cứ Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày .../.../2020 của HĐND tỉnh Tuyên Quang về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; văn bản phê duyệt dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư, cam kết hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền¹,² đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

1. Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ (hạng mục) đã nghiệm thu:.....
Trong đó: - Nội dung³
- Nội dung
-

2. Tổng kinh phí đã thực hiện: Trong đó:
3. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: Trong đó:
4. Số tài khoản:..... Mở tại Ngân hàng:
5. Tài liệu kèm theo gồm:

-
-

Kính đề nghị Sở Tài chính xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (đề nghị hỗ trợ)
- Lưu

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
THỰC HIỆN DỰ ÁN

¹ Ghi số văn bản, ngày ban hành, cơ quan ban hành văn bản

² Tên tổ chức, cá nhân

³ Ghi tên các nội dung (hạng mục) đề nghị hỗ trợ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ

**Cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn
thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

Kính gửi: Sở Tài chính.

I. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân thực hiện dự án

1. Người đại diện theo pháp luật:
2. Chức vụ:
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (nếu có):..... ngày cấp
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: Fax: Email:

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ

- Căn cứ Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày .../.../2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; văn bản phê duyệt dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư, cam kết hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền¹,^{5 2} đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

1. Tổng số tiền được vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....
2. Số tiền lãi vay đã trả ngân hàng :.....
3. Số tiền đề nghị hỗ trợ lãi suất:.....
4. Thời gian đề nghị hỗ trợ lãi suất (tháng):.....
5. Số tài khoản:..... Mở tại Ngân hàng:
6. Tài liệu kèm theo gồm:

-
-

Kính đề nghị Sở Tài chính xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (đề nghị hỗ trợ)
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
THỰC HIỆN DỰ ÁN**

¹ Ghi số văn bản, ngày ban hành, cơ quan ban hành văn bản

² Tên tổ chức, cá nhân